TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T,** sinh năm 1990

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B(nay là thôn T), xã Q, thị xã M, tỉnh Hải Dương

Chỗ ở hiện nay: Đài Loan.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V,** sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B(nay là thôn T), xã Q, thị xã M, tỉnh Hải Dương.

- Người được chị T ủy quyền giao, nhận văn bản: Bà **Nguyễn Thị B,** sinh năm 1971

Địa chỉ: T, phường Q1, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh V, bà B đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lương Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn V tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hải Dương vào ngày 10/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm. Tháng 5/2017, chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan để cải thiện kinh tế gia đình. Vợ chồng xa cách nên tình cảm ngày càng mờ nhạt, nhiều lần chị có khuyên anh V sang làm việc bên Đài Loan cùng chị để cải thiện tình cảm nhưng anh V không đồng ý. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về định hướng cuộc sống dẫn đến tình cảm ngày một xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn muốn quay về chung sống với anh V, cần phải giải thoát cho cả hai để ổn định cuộc sống riêng. Do đó, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/6/2012, hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh V. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, anh V sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Nếu hai con đều có nguyện vọng được ở với anh V thì chị đồng ý để anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, cháu K. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000đ/con/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:* Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Chị T có đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn và chờ chị T về mới giải quyết còn nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/6/2012, hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh. Quan điểm của anh là nếu hai con muốn ở với anh, anh sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi trưởng thành, anh tự nguyện không đề nghị chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh V và người được chị T ủy quyền giao, nhận văn bản là bà B có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V; Về con chung: Giao cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/6/2012 đến khi con trưởng thành; Chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh V là 2.000.000đồng/con/tháng cho đến khi con trưởng thành; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp

dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lương Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn V. Chị T hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa chị T, anh V, bà B đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh V, bà B.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hải Dương vào tháng 10/11/2008. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống vui vẻ, hòa thuận được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5/2017 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để cải thiện kinh tế, anh V ở nhà chăm sóc con cái. Vợ chồng xa cách dẫn đến tình cảm mờ nhạt dần, chị T có đề nghị anh V sang Đài Loan làm việc cùng chị nhưng anh V không đồng ý. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng như chi Trang trình bày là đúng. Quan điểm anh V không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp để níu kéo mà có quan điểm nếu chị T cương quyết ly hôn, anh cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn của anh V và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/6/2012, hiện hai cháu đang ở cùng anh V. Khi ly hôn, chị T và anh V đều xác định theo nguyện vọng của cháu P, cháu K muốn được ở cùng với ai thì người đó sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành.

Xét đề nghị của chị T, anh V thì thấy: Cháu P, cháu K hiện đang ở cùng anh V và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các con chung, chị T đang làm việc ở Đài Loan không đủ điều kiện để chăm sóc con chung, xét thấy để anh V được tiếp tục chăm sóc,

nuôi dưỡng 02 con chung là hợp lý. Do vậy, cần tiếp tục giao con Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/6/2012 cho anh V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh V xác định không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Tuy nhiên chị T có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V mỗi tháng 2.000.000 đồng/con/tháng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh V là 2.000.000đồng/con/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Chị T được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 08/9/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/6/2012, thời gian từ tháng 3/2023 đến khi các con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lương Thị T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh Nguyễn Văn V là 2.000.000đồng/con/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Lương Thị T được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh V có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, chị T còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ

luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình (được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003608 ngày 22/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

Chị T còn phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chị T chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, thị xã M (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, THC, TGĐ&NCTN.